**KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ PHÒNG NGỪA CHUẨN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NGỌC HỒI NĂM 2023**

***Lê Thị Thùy Dương1, Nguyễn Thị Hằng, Phan Thị Thu Hương, Lâm Thị Nụ, Đặng Thị Hoài***

*1Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi*

**TÓM TẮT NGHIÊN CỨU**

***Mục tiêu nghiên cứu:*** Mô tả kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế và tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi năm 2023.

***Phương pháp nghiên cứu:*** Theo phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trên đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023. Chạy mô hình hồi quy Logistic đơn biến, tính OR cho mối liên quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Mối liên quan có ý nghĩa thống kê khi p<0,05.

***Kết quả:*** Tỉ lệ nhân viên y tế có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn là 87,9%; trong đó tỉ lệ nhân viên y tế có kiến thức đạt về các biện pháp phòng ngừa chuẩn chung, vệ sinh tay và phương tiện phòng hộ cá nhân lần lượt là 96,7%, 76,9% và 79,1%. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế được xác định là: Giới tính; trình độ chuyên môn; chức danh nghề nghiệp; khoa phòng làm việc; số lần tham gia tập huấn về phòng ngừa chuẩn; chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức về phòng ngừa chuẩn.

***Từ khóa:*** Phòng ngừa chuẩn, kiến thức, thái độ.

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Phòng ngừa chuẩn được xem là một trong những nội dung chính trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn. Việc tuân thủ các biện pháp của phòng ngừa chuẩn đóng góp quan trọng vào việc giảm nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế, hạn chế cả sự lây truyền cho nhân viên y tế và người bệnh, cũng như từ người bệnh sang môi trường nhằm bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng khám bệnh chữa bệnh [[1](#_ENREF_1)] [[10](#_ENREF_10)]**.** Tuy nhiên thực tế cho thấy, nhân viên y tế chưa thực sự hiểu và thực hành tốt về phòng ngừa chuẩn. Một nghiên cứu thực hiện tại Đại học y khoa vinh cho kết quả chỉ 5,9% sinh viên cử nhân điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn, có 65,9% sinh viên có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn [[8](#_ENREF_8)]**.**

Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn luôn được bệnh viện quan tâm hàng đầu trong việc duy trì và cải tiến chất lượng bệnh viện. Thực tế đã cho thấy các biện pháp phòng ngừa chuẩn phát huy tác dụng cao đối với việc ngăn ngừa lây truyền bệnh truyền nhiễm nhất là trong thời kỳ dịch bệnh Covid 19 bùng phát, tại bệnh viện cũng đã triển khai rất kỹ tuy nhiên chưa đánh giá được hiệu quả công tác này. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế và xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ của nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi năm 2023.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng, thiết kế, địa điểm và thời gian nghiên cứu:**

Đối tượng nghiên cứu: Nhân viên y tế là điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, làm việc tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi trong thời gian nghiên cứu.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng.

## Địa điểm nghiên cứu: Tại bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi

Thời gian nghiên cứu: Từ 01/01/2023 đến 13/10/2023. Riêng thời gian thu thập số liệu từ 01/06/2023 đến hết ngày 30/07/2023.

**2.2. Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ

**2.3. Các biến số và chỉ số nghiên cứu chính:**

***Các biến số nghiên cứu:***

Nhóm 1 (nhóm biến số về thông tin chung của Nhân viên y tế): Gồm nhóm biến số về nhân khẩu học (7 biến số) và nhóm biến số về đào tạo tập huấn (6 biến số).

Nhóm 2 (nhóm biến số về kiến thức): gồm 33 biến là các câu hỏi kiến thức. Sau đó được tổng hợp thành 4 biến số chính bao gồm: Kiến thức về các biện pháp PNC, kiến thức về VST, kiến thức về phương tiện PHCN, kiến thức chung về PNC.

Nhóm 3 (nhóm biến số về thái độ): gồm 16 biến là các câu hỏi thái độ, sau đó được tổng hợp thành 4 biến số chính bao gồm: Thái độ về các biện pháp PNC, thái độ về VST, thái độ về phương tiện PHCN, thái độ chung về PNC.

***Các chỉ số chính:***

Tỉ lệ NVYT có kiến thức đúng về PNC chung = tổng số NVYT có kiến thức chung đạt/Tổng số NVYT nghiên cứu.

Tỉ lệ NVYT có thái độ đúng về PNC chung = tổng số NVYT có thái độ chung đạt/Tổng số NVYT nghiên cứu.

**2.4. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu:**

Tại các khoa phòng, điều tra viên phát phiếu tự điền và có mật mã tại điểm thu thập thông tin cho đến khi quá trình thu thập thông tin hoàn tất và nhắc nhở không để người tham gia nghiên cứu trao đổi thông tin.

Số phiếu thu được kiểm tra tính hợp lệ của từng phiếu và nhập thông tin vào phần mềm quản lý nhập liệu Epidata 3.1, sử dụng phần mềm Stata 10.0 để phân tích. Áp dụng các phân tích mô tả: Tính tần số (N), tỷ lệ phần trăm (%). Tính OR, 95%CI và p. Xây dựng mô hình hồi quy logistic đơn biến để phân tích mối liên quan giữa kiến thức, thái độ phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế với một số yếu tố liên quan.

**III. KẾT QUẢ**

## 3.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:

Bảng 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm (n=)** | **Số lượng(n)** | **Tỉ lệ (%)** |
| **Tuổi** | < 30 tuổi | 7 | 7,7 |
| Từ 30 - 39 tuổi | 74 | 81,3 |
| Từ 40 – 49 tuổi | 8 | 8,8 |
| ≥ 50 tuổi | 2 | 2,2 |
| Tuổi trung bình | 34,9 ± 4,9 | |
| **Giới tính** | Nam | 20 | 22,0 |
| Nữ | 71 | 78,0 |
| **Trình độ học vấn** | Trung cấp | 3 | 3,3 |
| Cao đẳng | 60 | 65,9 |
| Đại học | 28 | 30,8 |
| **Chức danh nghề nghiệp** | Điều dưỡng | 59 | 64,8 |
| Kỹ thuật viên | 21 | 23,1 |
| Hộ sinh | 11 | 12,1 |
| **Thâm niên công tác** | <5 năm | 6 | 6,6 |
| 5-9 năm | 23 | 25,3 |
| 10-14 năm | 53 | 58,2 |
| ≥15 năm | 9 | 9,9 |
| **Tổng** | | **91** | **100** |

Bảng 3.1 cho thấy trong số 91 đối tượng tham gia nghiên cứu, nữ chiếm đa số (78%): Tuổi trung bình là 34, 9± 4,9. Trong đó lứa tuổi từ 30 – 39 tuổi chiếm nhiều nhất (81,3%). Đa phần đối tượng là điều dưỡng chiếm 64,8%. Về trình độ học vấn và thâm niên công tác chủ yếu là trình độ cao đẳng (65,9%) và thâm niên công tác từ 5-9 năm với tỉ lệ 25,3% và từ 10-14 năm với tỉ lệ 58,2%.

Biểu đồ 3.1. Phân bố nhân viên y tế theo khoa phòng công tác

Biểu đồ 3.1 cho thấy khoa phòng có số lượng nhân viên y tế tham gia nghiên cứu nhiều nhất là khoa Cấp cứu- HSTC (14,2%), tiếp đến là khoa Phụ sản (12,1%), khoa Xét nghiệm (12%), khoa Ngoại tổng hợp (10,9%), thấp nhất là khoa Nhi (5,5%).

***3.2 Kiến thức và thái độ của NVYT về phòng ngừa chuẩn:***

***3.2.1 Kiến thức về phòng ngừa chuẩn:***

Biểu đồ 3.2 Kiến thức chung của NVYT về phòng ngừa chuẩn

Biểu đồ 3.2 cho thấy, tỉ lệ NVYT đạt kiến thức chung về phòng ngừa chuẩn là 87,9%, trong đó tỉ lệ kiến thức đạt về các biện pháp PNC chung, VST và phương tiện phòng hộ cá nhân lần lượt là 96,7%, 76,9% và 79,1%.

***3.2.2 Thái độ của NVYT đối với phòng ngừa chuẩn:***

Biểu đồ 3.3 Thái độ của NVYT về phòng ngừa chuẩn chung

Biểu đồ 3.3 cho thấy, tỉ lệ NVYT có thái độ tích cực đối với phòng ngừa chuẩn là cao đạt 85,7%. Trong đó tỉ lệ thái độ tích cực đối với các biện pháp PNC chung, VST và PHCN lần lượt là 81,3%, 83,5% và 73,6%.

***3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức của NVYT về phòng ngừa chuẩn:***

Kết quả nghiên cứu cho thấy giới tính, khoa phòng, chức danh nghề nghiệp là những yếu tố liên quan tới kiến thức của NVYT về PNC. Tỉ lệ kiến thức đạt của nhóm nữ giới cao gấp 6,3 lần so với nam giới (95%CI: 2,15-18,52). Khoa Phụ sản, Cấp cứu – TSTC, khoa Nhi và khoa Truyền nhiễm có tỉ lệ NVYT có kiến thức đạt cao gấp 6,4; 5,4 và 7,1 lần so vơi NVYT của khoa Chẩn đoán hình ảnh. NVYT có kiến thức đạt PNC ở điều dưỡng cao gấp 4,1 lần và ở hộ sinh cao gấp 5,4 lần so với đối tượng là kỹ thuật viên.

Ngoài ra kết quả cũng cho thấy, tỉ lệ kiến thức đạt của nhóm tham gia tập huấn ≥3 lần cao gấp 9,1 lầ**n** (95%CI 2,6- 33,7) so với những NVYT chỉ được tập huấn 1 lần. NVYT có tần suất chủ động tìm hiểu, cập nhật PNC càng nhiều thì kiến thức đạt càng cao: mức độ thỉnh thoảng tìm hiểu cao gấp 4,8 lần (95%CI: 1.1 - 20,6); và với mức độ thường xuyên tìm hiểu cao gấp 7,5 (95%CI: 1.6 - 35.6) so với những người không hoặc rất ít chủ động tìm hiểu.

Nghiên cứu chưa tìm ra mối liên quan giữa thái độ của NVYT với một số yếu tố về nhân khẩu học, các yếu tố tăng cường và ảnh hưởng tới kiến thức, thái độ của NVYT.

**IV. BÀN LUẬN**

## 4.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên 91 nhân viên y tế thuộc bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi. Tuổi trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là 34,9 ±4,9 tuổi. Trong đó lứa tuổi từ 30 – 39 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất 81,3%. Về chức danh nghề nghiệp của đối tượng thì đa phần là điều dưỡng chiếm 64,8%, tiếp đến là kỹ thuật viên và hộ sinh với tỉ lệ lần lượt là 23,1% 12,1%. Về trình độ học vấn, các đối tượng là cao đẳng chiếm tỉ lệ cao nhất (65,9%), tiếp đến là trình độ đại học với 30,8% và thấp nhất là trình độ trung cấp với 3,2%. Kết quả này của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Huế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương năm 2018 (trình độ cao đẳng đại học chiếm 42,9%, trung cấp chiếm 57,1%) [[4](#_ENREF_4)]. Sự khác biệt này là do trong những năm gần đây bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi rất quan tâm phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao để nâng cao chất lượng bệnh viện. Ngoài ra một lý do khách quan cũng góp phần tác động đến các NVYT khiến họ phải chủ động học tập nâng cao trình độ đó là theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định từ ngày 01/01/2021 viên chức ngành y phải có trình độ từ cao đẳng trở lên và từ năm 2025 chức danh cán bộ trung cấp trong toàn bộ ngành sẽ bị hủy bỏ [[2](#_ENREF_2)].

Theo kết quả nghiên cứu có 92,3% NVYT đã từng được tập huấn, đào tạo về các nội dung phòng ngừa chuẩn. Trong đó có có 91,7% được tập huấn, đào tạo do bệnh viện tổ chức, 4,8% được tập huấn đào tạo do Sở Y tế tổ chức và 3,5% được tập huấn trong khoa. Đa phần các NVYT đều tham gia tập huấn về phòng ngừa chuẩn từ 3 lần trở lên. Công tác đào tạo, tập huấn về phòng ngừa chuẩn nói riêng hay kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện nói chung nên được duy trì thường niên tại bệnh viện. Lý do thứ 2 khiến việc tập huấn về phòng ngừa chuẩn được thực hiện thường xuyên tại bệnh viện đó là do yêu cầu chăm sóc điều trị người bệnh COVID-19 trong các đợt dịch bùng phát tại địa phương, trong giai đoạn này, bệnh viện thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn nhất là cách mặc, tháo trang phục phòng hộ, xử lý rác thải cho NVYT làm công tác phòng chống dịch bệnh.

## 4.2. Kiến thức và thái độ của NVYT về phòng ngừa chuẩn

***4.2.1 Kiến thức về phòng ngừa chuẩn***

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Tỉ lệ NVYT có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn là cao, đạt 87,9%; trong đó tỉ lệ NVYT có kiến thức đạt về các biện pháp PNC chung, VST và phương tiện PHCN lần lượt là 96,7%, 76,9% và 79,1%. Kết quả này của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của các tác giả Bùi Thị Xuyến với tỉ lệ NVYT đạt kiến thức chung về VST là 56,6%; về sử dụng phương tiện PHCN là 45,4%. Kết quả này cũng có sự chênh lệch với kết quả nghiên cứu của Hồ Thị Nhi Na (2015), với tỉ lệ NVYT có kiến thức đạt về PHCN (80%), VST (65,38%) [[6](#_ENREF_6)] [[9](#_ENREF_9)]. Sở dĩ có sự khác biệt là do thời điểm nghiên cứu, sự phát triển của y tế trong và ngoài nước cùng với việc bảo vệ sức khỏe của người bệnh, tránh lây nhiễm chéo trong bệnh viên được yêu cầu cấp thiết đã nâng cao hiểu biết của nhân viên y tế. Theo Quyết định số 468 QĐ-BYT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Chiến lược kiểm soát nhiễm khuẩn nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế lây lan COVID-19 trong các cơ sở khám chữa bệnh có một nội dung là áp dụng các biện pháp PNC đối với tất cả người bệnh [[3](#_ENREF_3)]. Do vậy yêu cầu đối với NVYT đều cần phải có kiến thức tốt về các biện pháp phòng ngừa chuẩn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi: 76,9% và 79,4% NVYT có kiến thức đạt về vệ sinh tay và phương tiện PHCN cũng chưa phải là cao. Do đó, vẫn cần phải tăng cường thực hiện các biện pháp tuyên truyền, tập huấn nhằm nâng cao kiến thức cho NVYT trong bệnh viện về các nội dung của phòng ngừa chuẩn, đặc biệt là về vệ sinh tay và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.

***4.2.2 Thái độ của NVYT đối với phòng ngừa chuẩn***

Đánh giá thái độ chung của NVYT đối với phòng ngừa chuẩn, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 85,7% NVYT có thái độ tích cực. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Noorasyikin Mohd-Nor và Yee Bit-Lian (với 70% NVYT đạt thái độ tích cực) [[11](#_ENREF_11)]. Kết quả cũng chỉ ra tỉ lệ NVYT có thái độ tích cực đối với các biện pháp PNC chung, VST và PHCN lần lượt là 81,3%. 83,5% vã 73,6%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu cùa tác giả Hồ Thị Nhi Na (VST) là 67,5% và PHCN là 69,7% [[6](#_ENREF_6)]. Lý giải những sự khác biệt này có thể do bộ câu hỏi thiết kế khác nhau nên nghiên cứu cùng nội dung nhưng có tỉ lệ đạt cao hơn. Và tại thời điểm nghiên cứu, do NVYT tại Bệnh viện vừa trải qua cuộc chiến với dịch bệnh COVTD-19 phức tạp, tất cả NVYT luôn luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp PNC và phòng ngừa cách ly, do đó tỉ lệ NVYT có thái độ tích cực trong nghiên cứu cùa chúng tôi cao hơn các nghiên cứu trong những năm trước.

***4.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ của nhân viên y tế về phòng ngừa chuẩn***

Nghiên cứu của chúng tôi xác nhận ảnh hưởng của các yếu tố: giới, khoa phòng, chức danh nghề nghiệp, khoa phòng làm việc, số lần tham gia tập huấn, mức độ chủ động tìm hiểu, cập nhật đối với kiến thức của NVYT về phòng ngừa chuẩn. Kết quả này cũng tương đồng với một số nghiên cứu trong nước như nghiên cứu của Cù Thu Hương, Nguyễn Thị Phương Thảo [[5](#_ENREF_5)] [[7](#_ENREF_7)].

Trong nghiên cứu của chúng tôi nữ giới chiếm tỉ lệ cao là 78%. Tỉ lệ kiến thức đạt cùa nhóm nữ giới cao gấp 6,3 lần so với nhóm nam giới, mối liên quan này có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Nghiên cứu của chúng tôi hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của tác giả Hồ Thị Nhi Nahay của tác giả Vũ Thị Thu Thủyđều cho kết quả nữ giới có kiến thức đạt về PNC cao hơn nam giới. Như chúng ta đã biết, ngành y là một ngành hết sức đặc biệt, tỉ lệ NVYT là nữ thường cao hơn ở đa số các bệnh viện và nữ NVYT thường chú trọng cẩn thận hơn các nam NVYT [[6](#_ENREF_6)] [[8](#_ENREF_8)].

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm đối tượng hộ sinh, điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn cao gấp 5,4 lần và 4,1 lần so với nhóm đối lượng kỹ thuật viên. Trong nghiên cứu của Hồ Thị Nhi Na, điều dưỡng và nữ hộ sinh có kiến thức rửa tay cao gấp 3,5 lần so với các nhóm khác và mối liên quan này có ý nghĩa thống kê. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Thảo: tỉ lệ bác sĩ có kiến thức đạt là 61,1% thấp hơn so với điều dưỡng viên là 68.8%. Thực tế cho thấy, các công việc của điều dưỡng hay hộ sinh thường sử dụng nhiều biện pháp phòng ngừa chuẩn hơn so với đối tượng kỹ thuật viên hoặc bác sỹ [[6](#_ENREF_6)] [[7](#_ENREF_7)].

Nghiên cứu cũng chỉ ra tỉ lệ kiến thức đạt của nhóm tham gia tập huấn 2 lần cao gấp 7,01 lần; nhóm tham gia tập huấn từ 3 lần trở lên cao gấp 9,1 lần so với nhóm NVYT chỉ được tập huấn 1 lần. NVYT có tần suất chủ động tìm hiểu, cập nhật về PNC càng nhiều càng có tỉ lệ đạt kiến thức cao hơn: mức độ thỉnh thoảng tìm hiểu cao gấp 4,8 lần; và với mức độ thường xuyên tìm hiểu cao gấp 7,5 so với những người không hoặc rất ít chủ động tìm hiểu, cập nhật về PNC, mối liên quan có ý nghĩa thống kê với p< 0,05. Việc cập nhật thông tin mới về các biện pháp phòng ngừa chuẩn và tăng cường tập huấn đào tạo sẽ giúp duy trì, nâng cao được kiến thức của NVYT về PNC. Đồng thời cải thiện chất lượng khám chữa bệnh vả giảm thiểu nhiễm khuẩn bệnh viện.

Bên cạnh các yếu tố liên quan như đã nêu trên thì trong đề tài nghiên cứu cùa chúng tôi chưa tìm thấy mối liên quan giữa thái độ của NVYT với các yếu tố đưa vào nghiên cứu.

**V. KẾT LUẬN**

1. Kiến thức, thái độ của nhân viên y tế về phòng ngừa chuẩn: Tỉ lệ nhân viên y tế có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn là 87,9%; trong đó tỉ lệ nhân viên y tế có kiến thức đạt về các biện pháp phòng ngừa chuẩn chung, vệ sinh tay và phương tiện phòng hộ cá nhân lần lượt là 96,7%, 76,9% và 79,1%. Tỉ lệ Nhân viên y tế có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn là 85,7%; trong đó tỉ lệ thái độ tích cực đối với các biện pháp phòng ngừa chuẩn chung, vệ sinh tay và phục hồi chức năng lần lượt là 81,9 %, 83,5 % và 73,6%.

2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ của nhân viên y tế về phòng ngừa chuẩn:Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế được xác định là: Giới tính; trình độ chuyên môn; chức danh nghề nghiệp; khoa phòng làm việc; số lần tham gia tập huấn về phòng ngừa chuẩn; chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức về phòng ngừa chuẩn.Nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan giữa thái độ đối với phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Bộ Y tế** (2012), *Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*, *Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế*.

2. **Bộ Y tế** (2021), *Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi, xét thăng hạng và nội dung, hình thức, việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế. Số 06/2021/TT-BYT, ngày 06 tháng 5 năm 2021*.

3. **Bộ Y tế** (2020), *Quyết định về việc ban hành hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút corona 2019 (covid-19) trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Số 468/QĐ-BYT ngày 19 tháng 02 năm 2020*.

4. **Nguyễn Thị Huế** (2019), *Kiến thức, thái độ về kiểm soát nhiễm khuẩn của điều dưỡng tại một số khoa lâm sàng hệ ngoại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương*, Đại học Y Hà Nội.

5. **Cù Thu Hường** (2019), *Kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến vệ sinh tay thường quy của điều dưỡng, hộ sinh tại một số khoa, bệnh viện Phụ Sản Trung Ương*, Trường Đại học Y Hà Nội.

6. **Hồ Thị Nhi Na** (2016), *Kiến thức và thái độ đối với một số qui định phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế tại một số khoa của Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Quảng Nam năm 2015*, Luận văn thạc sỹ y học, trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.

7. **Nguyễn Thị Phương Thảo** (2018), *Kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy và một số yếu tố liên quan của cán bộ y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương*, Trường đại học Y Hà Nội.

8. **Vũ Thị Thu Thủy** (2018), "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2018", *Nghiên cứu khoa học,* 1(2),pp. 84-89.

9. **Bùi Thị Xuyến, Nguyễn Xuân Bái & Hoàng Thị Hỏa** (2019), "Kiến thức, thực hành của nhân viên y tế trong thực hiện một số biện pháp phòng ngừa chuẩn lại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bỉnh", *Tạp chí sức khỏe cộng đồng,* 3(50),pp. 27-33.

10. **World Health Organization** (2022), *Standard precautions for the prevention and control of infections*.

11. **Yee Bit-Lian & Noorasyikin Mohd-Nor** (2019), "Knowledge, Attitude and Practices of Standard Precaution among Nurses in Middle-East Hospital", *SciMedicine Journal,* 1(4).

**LỜI CẢM ƠN**

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám đốc cùng Hội đồng khoa học Bệnh viện Đa khoa khu vục Ngọc Hồi đã tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện đề tài này.

**KNOWLEDGE AND ATTITUDE OF STANDARD PREVENTION OF MEDICAL STAFF AND SOME RELATED FACTORS AT NGOC HOI REGIONAL GENERAL HOSPITAL IN 2023**

***Le Thi Thuy Duong1, Nguyen Thi Hang, Phan Thi Thu Huong, Lam Thi Nu,***

***Dang Thi Hoai***

*Ngoc Hoi Regional General Hospital*

***SUMMARY***

***Objective:*** *Describe the knowledge and attitudes about standard precautions of medical staff and learn some related factors at Ngoc Hoi regional general hospital in 2023.*

***Research method:*** *According to the cross-sectional descriptive research method, using quantitative research methods on nurses, technicians, and midwives during the period from January 2023 to October 2023. Run a univariate Logistic regression model, calculate OR for the relationship between independent variables and dependent variables. The relationship is statistically significant when p < 0.05.*

***Results:*** *The rate of medical staff with knowledge of standard precautions was 87.9%; In which, the percentage of medical staff with knowledge of general preventive measures, hand hygiene and personal protective equipment is 96.7%, 76.9% and 79.1%, respectively. Some factors related to knowledge of standard precautions of medical staff were identified as: Gender; qualification; Career titles; office department; Number of times participating in training on standard precautions; proactively learn and update knowledge about standard precautions.*

***Keywords:*** *Standard precautions, knowledge, attitude.*